TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/HNGĐ- ST
Ngày 03-7-2024
V/v tuyên bố không công nhận Quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Khiếu
- Ông Hoàng Văn Yên

Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Hùng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn May- Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 06-6-2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18-6-2024 giữa;

Nguyên đơn: Anh Lê Văn K, sinh năm 1968- Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 2 V, xã P, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1965- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 2 V, xã P, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 5 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Văn K trình bày: Anh K và chị Trương Thị T, sinh năm 1965 có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, ở tại thôn 02 V, xã P, huyện L, tỉnh Y, do trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, nên anh chị không đến Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Nay anh chị không có đăng ký kết hôn. Anh K và chị T chung sống bình thường đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh K và chị T đã sống ly thân từ năm 2018 không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh K xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh K và chị T có hai con chung tên là Lê Thị T, sinh ngày 12-01-1991 và Lê Thị M, sinh ngày 23-7-1997. Hai con T và M trên 18 tuổi đã trưởng thành lập gia đình riêng anh K không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh K không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Chị Trương Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng chị T vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh K và chị T; anh K phải chịu án phí 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] *Về tình cảm:* Anh Lê Văn K và chị Trương Thị T có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, ở tại thôn 02 Vàn, xã P, huyện L, tỉnh Y, nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh K có yêu cầu xin ly hôn chị T, cần căn cứ vào các quy định của luật Hôn nhân và gia đình để xem xét mối quan hệ giữa hai người, xét thấy: Việc anh K và chị T có quan hệ chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 14 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không*

công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này;.....". Như vậy yêu cầu này của anh K có căn cứ được chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Anh K và chị T có hai con chung tên là Lê Thị T, sinh ngày 12-01-1991 và Lê Thị M, sinh ngày 23-7-1997. Hai con T và M trên 18 tuổi đã trưởng thành lập gia đình riêng anh K không yêu cầu giải quyết. Vấn đề này không đặt ra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] *Về án phí*: Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Văn K và chị Trương Thị T.

2- Về án phí: Anh Lê Văn K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh K đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2023/0001737 ngày 21-5-2024 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Anh K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- Quyền kháng cáo: Anh Lê Văn K, chị Trương Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh Y;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
-UBND xã P
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh